TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 387/2019/HS-PT
Ngày: 25 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Phạm Việt Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Vũ Thanh Thủy -** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Lê Ra -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2019 /TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019, do có kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Lê Quốc T, sinh năm 1980 tại Phú Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Cử nhân xây dựng; chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng M; trình độ văn hóa:12/12; con ông Lê Văn T và con bà Trương Thị L; có vợ tên là Phạm Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Tạm giam ngày 23/7/2016, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 26/02/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn K, sinh năm 1962 tại Phú Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Công chức Nhà nước; chức vụ: Nguyên Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, Tổ trưởng Tổ quản lý dự án; trình độ văn hóa: 12/12; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Nguyễn C và con bà Lương Thị C; có vợ tên là Nguyễn Thị Kim H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm tuyên phạt 08 năm tù về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng"; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Phan Trí H, sinh năm 1972 tại Quảng Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Cử nhân chuyên ngành điện tử; chức vụ: Giám sát trưởng công trình; trình độ văn hóa:12/12; con ông Phan H và con bà Trần Thị B; có vợ tên là Kiều Thị Phi Y và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc T*: Luật sư Nguyễn Lê V, Công ty luật MTV N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/9/2012, Ủy ban nhân dân (sau này được viết tắt là UBND) tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1523/QĐ-UBND, giao UBND huyện Đ làm Chủ đầu tư thực hiện tiểu dự án giải phóng mặt bằng (sau này được viết tắt là GPMB) trên địa bàn tỉnh Phú Yên, thuộc Dự án Hầm đường bộ qua Đ. Ngày 26/9/2012, UBND huyện Đ có Thông báo số 514/TB-UBND ủy quyền cho Trung tâm phát triển quỹ đất (sau này được viết tắt là PTQĐ) huyện Đ làm Chủ đầu tư thực hiện tiểu dự án GPMB trên địa bàn tỉnh Phú Yên, thuộc Dự án Hầm đường bộ qua Đ; trong đó có Hạng mục di dời hệ thống viễn thông ra khỏi phạm vi GPMB (Đoạn Km 0 + 00 Km 1 + 00), thuộc gói thầu số 4: Xây dựng đường dẫn phía Bắc Dự án Hầm đường bộ qua Đ. Ngày 06/3/2013, Nguyễn K - Giám đốc Trung tâm PTQĐ huyện Đ ký Quyết định số 04/QĐ-TTPTQĐ thành lập Tổ quản lý dự án hạng mục công trình trên gồm 06 thành viên; trong đó, Nguyễn K làm Tổ trưởng, Huỳnh Ngọc T1, Huỳnh Tấn T2, Đỗ D, Lê Trung Q làm ủy viên và Vi Tố H làm kế toán.

Ngày 18/3/2013 và ngày 02/8/2013, Trung tâm PTQĐ huyện Đ ký Hợp đồng kinh tế số 02/2013/HĐKT, số 26/2013/HĐ-LHSYC với Công ty trách nhiệm hữu hạn (sau này được viết tắt là TNHH) tư vấn thiết kế & xây dựng D, về việc tư vấn khảo sát và lập thiết kế bản vẽ thi công, lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất thi công xây dựng công trình trên. Ngày 01/8/2013, UBND huyện Đ ký Quyết định số 603/QĐ-UBND phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và kế hoạch đấu thầu xây dựng công trình với tổng dự toán được duyệt là 2.981.070.804đ từ nguồn vốn ngân sách và thời gian thực hiện trong năm 2013. Ngày 16/8/2013, Trung tâm PTQĐ huyện Đ ký Quyết định số 24/QĐ-TTPTQĐ về việc phê duyệt nội dung hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu thi công công trình nói trên của Công ty TNHH tư vấn thiết kế & xây dựng D. Khi có được hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu của Chủ đầu tư, Lê Quốc T là Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng (sau này được viết tắt là CPXD) M, biết Công ty không đủ năng lực theo tiêu chí mời thầu; nên đã thông qua các mối quan hệ để làm hợp thức hồ sơ đề xuất và hồ sơ năng lực bằng cách sửa chữa, thay thế giá trị

Hợp đồng kinh tế số 66/2011/HĐKT ngày 20/7/2011 mà Công ty CPXD M đã ký với Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông và Bưu Điện - XNXL, địa chỉ: Hà Nội từ 588.115.000đ thành 2.204.215.652đ. Sau đó, photo ra nhiều bản rồi đến UBND phường 4, thành phố T công chứng; lấy bản photo bằng cấp kỹ sư điện có công chứng của Nguyễn Thành N ở tỉnh Quảng Trị - nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông và Bưu điện - XNXL Hà Nội và Nguyễn Xuân V ở tỉnh Quảng Ngãi - nhân viên Công ty TNHH Đ, địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi để lập khống 02 hợp đồng lao động. Ký giả chữ ký của Nguyễn Thành N và Nguyễn Xuân V, ghi khống chức vụ của N là Chỉ huy trưởng công trình để chuyển hồ sơ cho Chủ đầu tư là Trung tâm PTQĐ huyện Đ xét duyệt.

Sau khi nhận bộ hồ sơ năng lực hợp thức của Công ty CPXD M, Nguyễn K giao cho Lê Trung Q kiểm tra, thẩm định hồ sơ yêu cầu và lựa chọn nhà thầu thi công theo quy định. Nhưng thực tế, ông Q không tổ chức thẩm định năng lực của đơn vị thi công là Công ty CPXD M; mà chỉ dựa vào báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất chỉ định thầu số 02/BC- ĐGHSĐX của Công ty TNHH tư vấn thiết kế & xây dựng D lập, để ký báo cáo kết quả thẩm định trình cho Nguyễn K, nhưng K đã không kiểm tra lại kết quả thẩm định của Quý mà ký Quyết định số 30/QĐ-TTPTQĐ ngày 12/9/2013 chỉ định thầu Công ty CPXD M thi công hạng mục công trình trên. Ngày 13/9/2013, Nguyễn K ký Hợp đồng kinh tế số 36/2013/HĐ-XD với Lê Quốc T - Giám đốc Công ty CPXD M để thi công công trình với giá trị là 2.618.069.589đ theo hình thức đơn giá cố định, thời gian thi công từ ngày 13/9/2013 đến ngày 12/12/2013. Cùng ngày, K ký Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ với Công ty TNHH T, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng để giám sát việc thi công của nhà thầu đối với công trình trên. Ngày 14/9/2013, Nguyễn Lương T3 - Giám đốc Công ty TNHH T ký Quyết định số 03/QĐ/CT-TP phân công Phan Trí H là Cử nhân chuyên ngành điện tử được làm Giám sát trưởng công trình.

Theo hồ sơ thiết kế công trình được duyệt, đơn vị thi công phải đào, di dời lắp đặt mới sợi cáp quang 8Fo, 24Fo ra khỏi phạm vi giải phóng mặt bằng; thay thế, lắp đặt thiết bị viễn thông để đảm bảo thông tin liên lạc và phải đào thu hồi 427m sợi cáp quang 24Fo và 811m sợi cáp quang 8Fo (cũ) để trả lại mặt bằng cho dự án Hầm đường bộ qua Đ. Nhưng khi tổ chức thi công, từ ngày 13/9/2013 đến ngày 04/12/2013, lợi dụng sự thiếu kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư và đơn vị giám sát thi công; Lê Quốc T đã có hành vi gian dối, không đào 718,5m chiều dài tuyến để thu hồi sợi cáp quang loại 8Fo; không đào lắp đặt hệ thống tiếp địa và thi công các khối lượng công việc khác không đúng với hồ sơ thiết kế được duyệt. Nhưng khi làm hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng thi công hoàn thành lần 01, T đã chỉ đạo Lương C - nhân viên kỹ thuật kê khống khối lượng thi công hoàn thành lần 01 theo như thiết kế được duyệt, để T ký hồ sơ và ký giả chữ ký của Nguyễn Thành N - Chỉ huy trưởng công trình rồi trình cho đơn vị tư vấn giám sát và Chủ đầu tư công

trình ký nghiệm thu, thanh toán với giá trị là 2.327.453.864đ. Khối lượng công việc của công trình còn lại có giá trị 290.615.725đ chưa thi công được là do đơn vị thi công của Dự án Hầm đường bộ qua Đ chưa xây dựng xong cầu số 01 trên đường dẫn phía Bắc và đã được UBND huyện Đ đồng ý gia hạn thời gian thi công.

Ngày 06/12/2013, các bên liên quan gồm Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát và đơn vị thi công đã tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành lần 01 không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, mà tin tưởng theo như hồ sơ do Công ty CPXD M lập với giá trị như trên. Căn cứ hợp đồng và hồ sơ nghiệm thu, Chủ đầu tư đã lập chứng từ thanh toán chuyển Kho bạc huyện Đ giải ngân thanh toán cho Công ty CPXD M bằng 03 ủy nhiệm chi với tổng số tiền là 2.327.453.000đ (lần cuối cùng chuyển vào ngày 24/4/2014).

Nguyễn K - Giám đốc trung tâm PTQĐ huyện Đ đại diện Chủ đầu tư, Tổ trưởng Tổ quản lý dự án và Phan Trí H - Giám sát trưởng công trình đã thiếu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát; không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, quá tin vào bên thi công nên đã ký xác nhận hồ sơ khối lượng công việc thi công và bảng xác định giá trị khối lượng công việc thi công hoàn thành cho nhà thầu cao hơn thực tế thi công, tạo điều kiện cho Lê Quốc T chiếm đoạt tài sản Nhà nước.

Đến tháng 01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên phát hiện sai phạm đã tổ chức khám nghiệm hiện trường công trình. Kết quả khám nghiệm, đối chiếu khối lượng thi công tại hiện trường công trình so với khối lượng thi công trong Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành lần 01 ngày 06/12/2013 xác định: Có 11 mục công việc thi công tăng hơn thiết kế và có 21 mục công việc không thi công và thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, nhưng đưa vào hồ sơ nghiệm thu thanh toán. Căn cứ thiết kế và dự toán, hồ sơ nghiệm thu lần 01 và các văn bản quy định của Nhà nước, Lê Trung Q, Nguyễn K - Chủ đầu tư; Lương C, Lê Quốc T - Đơn vị thi công và Phan Trí H - Giám sát trưởng công trình đã tính toán xác định 21 mục công việc không thi công, thi công không đúng thiết kế có giá trị là 540.285.451đồng và 11 mục công việc thi công tăng hơn thiết kế có giá trị là 27.716.412đ; làm thiệt hại tài sản Nhà nước số tiền là 512.569.039 đồng.

Sau khi bị phát hiện việc thi công gian dối và lập khống hồ sơ đưa vào nghiệm thu, thanh toán chiếm đoạt tiền của Nhà nước. T tiếp tục có hành vi đối phó bằng cách chỉ đạo Lương C đem hộp cáp quang và hệ thống tiếp địa vào công trình, thuê xe đào, nhân công đào lắp đặt và thu hồi phi tang sợi cáp quang 8Fo cũ.

Kết quả trưng cầu, Giám định viên Trung tâm Tư vấn xây dựng - Trường Đại học xây dựng miền Trung kết luận: Giá trị khối lượng thi công hoàn thành theo hồ sơ nghiệm thu lần 1 của đơn vị thi công lập là 2.327.460.963đ, trong đó xác định giá trị khối lượng thực tế thi công tại công trình là 1.814.891.924đ; giá trị khối lượng đưa vào nghiệm thu, thanh toán khống 21 mục công việc gây thiệt hại tài sản Nhà nước số

tiền 512.569.039đ và xác định trách nhiệm liên quan đến sai phạm gồm có Đơn vị thi công, Đơn vị tư vấn giám sát thi công và Chủ đầu tư công trình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội. Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Quốc T – Phạt bị cáo Lê Quốc T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/7/2016.

Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H. Thêm điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Nguyễn K; thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phan Trí H. Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội đối với các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H.

- Phạt bị cáo Nguyễn K 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

- Phạt bị cáo Phan Trí H 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và giám sát giáo dục đối với bị cáo cho hưởng án treo.

Ngày 16/5/2017, bị cáo Lê Quốc T kháng cáo; ngày 21/5/2017, bị cáo Phan Trí H kháng cáo; ngày 22/5/2017, bị cáo Nguyễn K kháng cáo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 237/2017/HSPT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248 và khoản1 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo: Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên điều tra lại theo quy định.

Tại Bản án giám đốc thẩm số 03/2019/HS-GĐT ngày 23/4/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 237/2017/HSPT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Bản án giám đốc thẩm số 03/2019/HS-GĐT ngày 23/4/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã đánh giá và nhận định. Có đủ sơ sở khẳng định, Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên bố bị cáo Lê Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là có căn cứ, đúng tội. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H là thỏa đáng, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, K, H không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vào các ngày 16, 21, 22 tháng 5 năm 2017 các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của các bị cáo*:

[2.1] *Về tội danh*:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Các bị cáo kháng cáo. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 237/2017/HSPT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248 và khoản1 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H; giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên điều tra lại theo quy định. Tại Bản án giám đốc thẩm số 03/2019/HS-GĐT ngày 23/4/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định: "*Bị cáo Lê Quốc T dùng thủ đoạn gian dối ở hai giai đoạn, đó là giai đoạn làm giả giấy tờ, tài liệu để hợp thức hóa hồ sơ năng lực nhằm được chỉ định thầu; giai đoạn hai là lợi dụng sự tin tưởng của chủ đầu tư và giám sát công trình đã bỏ qua không thi công 21 hạng mục công việc như thiết kế được duyệt, nhưng vẫn lập khống đưa vào nghiệm thu, thanh toán và đã chiếm đoạt; gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 500.884.510đ. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lê Quốc T về tội "Lừa đảo chiến đoạt tài sản" là có căn cứ… . Đối với Nguyễn K, Phan Trí H là những người có chức vụ, quyền hạn trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng kỹ thuật thi công công trình; nhưng K và H không thực hiện*

đúng nhiệm vụ được giao, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng cho Nhà nước số tiền 500.884.510đ. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là có căn cứ…". Từ đó, bản án giám đốc thẩm đã quyết định: Căn cứ vào Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 237/2017/HSPT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với nhận định của Bản án giám đốc thẩm số 03/2019/HS-GĐT ngày 23/4/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các bị cáo kháng cáo về phần tội danh, nhưng không cung cấp được thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là có căn cứ, đúng tội. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn K, Phan Trí H về nội dung này.

[2.2] *Về mức hình phạt*:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo; hậu quả do tội phạm gây ra; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được áp dụng và xử phạt bị cáo Lê Quốc T 09 năm tù; bị cáo Nguyễn K 06 tháng tù; bị cáo Phan Trí H 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Xét thấy:

Đối với bị cáo Lê Quốc T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 500.884.519đ, gây thiệt hại cho Nhà nước. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, ngay sau khi vụ án bị phát hiện khởi tố, điều tra thì bị cáo đã tích cực, chủ động nộp khắc phục ngay số tiền 200.000.000đ và các bị cáo khác cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khắc phục hết số tiền chiếm đoạt. Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 500.884.519đ mới vượt qua mức quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Lê Quốc T là có căn cứ, thỏa đáng và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H bị xét xử theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định khung hình phạt tù từ ba năm đến mười hai năm. Bị cáo K có nhân thân xấu, tháng 11/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm tuyên phạt 08 năm tù về tội "Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trong". Đối với hai bị cáo K, H đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, hậu quả và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng và xử phạt bị cáo Nguyễn K 06 tháng tù, bị cáo Phan Trí H 06 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ, thỏa đáng. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt của bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Quốc T không phải chịu; bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p, x khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội – Xử phạt bị cáo Lê Quốc T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 23/7/2016 đến ngày 26/02/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H. Bị cáo Nguyễn K áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phan Trí H áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội đối với các bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H – Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

- Bị cáo Phan Trí H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phan Trí H cho Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương

trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Quốc T không phải chịu; bị cáo Nguyễn K, Phan Trí H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Trương Minh Tuấn **Phạm Việt Cường** **Trần Quốc Cường**